

Bản án số: 39 /2021/HS-ST

Ngày 06/8/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hương Ly

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh TN.

- Đại diện VKSND huyện VN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh TN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Thanh T; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 06 tháng 3 năm 1986; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm C, Xã LH, huyện VN, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; con ông Bùi Văn K, sinh năm 1953 và bà Đinh Thị Ph, sinh năm 1963; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 02; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 19/8/2011 bị Công an Xã LH xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 25/8/2011 bị UBND Xã LH quyết định biện pháp giáo dục tại cấp xã.

+ Ngày 17/11/2011 bị UBND tỉnh TN có Quyết định về việc đưa người vào Cơ sở giáo dục thời hạn 18 tháng.

+ Ngày 27/5/2014 bị Tòa án nhân dân huyện VN xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong các quyết định của bản án.

+ Ngày 22/12/2016 bị Tòa án nhân dân huyện VN xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong các quyết định của bản án.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/5/2021 tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện VN, tỉnh TN cho đến nay.

Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

Bà Vương Phương TH, sinh năm 1959

Địa chỉ: Xóm K, Xã LH, huyện VN, tỉnh TN.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Phạm Trần Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm Tiền Phong, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, huyện VN, tỉnh TN.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

- Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ 8, phường TL, thành phố TN, tỉnh TN.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng:

+ Ông Lương Việt H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Xóm K, Xã LH, huyện VN, tỉnh TN.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Ông Phan Minh L, sinh năm 1974

Địa chỉ: Xóm K, Xã LH, huyện VN, tỉnh TN.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- Người chứng kiến:

Bà Lương Thanh H1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Xóm K, Xã LH, huyện VN, tỉnh TN.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 03/5/2021 Bùi Thanh T - sinh năm 1986, cư trú tại Xóm C, Xã LH, huyện VN, tỉnh TN một mình đi bộ trên đoạn đường bê tông thuộc Xóm K, Xã LH, huyện VN, tỉnh TN, khi đến trước cổng nhà bà Vương Phương TH – sinh năm 1959. T quan sát thấy cổng nhà bà Thiện không khóa, bên trong sân có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, WaVe BKS 20D1-012.55 màu sơn đỏ, đen, chìa khóa điện vẫn cắm ở ổ khóa, nên T đã nảy ra ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên để bán lấy tiền tiêu sài. Sau đó T đi thêm 03m để quan sát xung quanh, thấy không có ai nên T đã đi bộ quay lại nhà bà Thiện, dùng tay phải mở cổng rồi đi vào trong sân đến vị trí dựng xe mô tô tay trái cầm vào tay lái bên trái của xe, tay phải cầm vào phần nhựa phía sau yên xe và dắt lùi xe về phía bên phải, khi đầu xe quay thẳng ra cổng thì T dắt xe ra khỏi cổng, sau đó ngồi lên xe đề nổ máy rồi điều khiển đi ra quốc lộ 1B, đi về hướng thành phố TN tìm nơi tiêu thụ. Khi đến đoạn đường rẽ vào đội 8, thị trấn Sông Cầu, huyện Đồng Hỷ, T đã đi vào khu vực hồ câu gần đó mục đích để tránh bị phát hiện truy đuổi, T ở đó khoảng 01 giờ đồng hồ, sau đó tiếp tục điều khiển xe theo quốc lộ 1B hướng thành phố TN. Khi đến đường tròn Tân Long, thành phố TN, T điều khiển xe mô tô rẽ về hướng đường tròn trung tâm thành phố khoảng 500m, T thấy ở rìa đường bên trái có 01 cửa hàng sửa chữa xe máy nên đã vào gặp chủ cửa hàng là ông Nguyễn Minh H – sinh năm 1966, nơi cư trú: Tổ 8, phường TL, thành phố TN, T nói với ông Hiến, chiếc xe trên là của T, do đi vội quên không mang giấy tờ xe, vì cần tiền nên muốn bán xe. Do xe không có giấy tờ nên ông Hiến không mua, T tiếp tục nói với ông Hiến là do cần tiền gấp và thỏa thuận với ông Hiến là đổi cho ông Hiến 02 vành bánh xe và bán 02 ốp hộp xích của chiếc xe T trộm cắp được, ông Hiến sẽ thay cho T 02 vành bánh xe cũ hơn và đưa thêm cho T 550.000 đồng. Trong lúc ông Hiến thay linh kiện xe thì T dùng dụng cụ tại quán tháo biển kiểm soát của xe và cài ở giá để hàng giữa xe. Sau khi nhận tiền xong T điều khiển xe mô tô tiếp tục tìm nơi bán xe nhưng không tìm được. Do trời tối nên T đã điều khiển xe mô tô đến nhà ông Phạm Trần Đ – sinh năm 1973, nơi cư trú: xóm Tiền Phong, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh TN là người quen (T chơi với con gái ông Đức). Khi đến nhà ông Đức, T nói với ông Đức là xe của T do có việc riêng nên gửi xe tại nhà ông Đức và hẹn hôm sau quay lại lấy, ông Đức đồng ý. T dắt xe vào trong nhà, còn chiếc biển kiểm soát T để ở bãi đất gần chân tường nhà rồi nhặt 01 mảnh vải ở gần đó đặt lên, do biết ông Đức hay uống rượu nên T đã cho ông Đức 50.000 đồng trong tổng số tiền trước đó ông Hiến đưa cho T nhưng không nói cho ông Đức biết về nguồn gốc số tiền này. Sau khi gửi xe xong T đi ra đường thuê xe taxi lên xã Lâu Thượng, huyện VN chơi, trên đường đi T mua đồ ăn và nước uống hết 200.000 đồng, trả tiền taxi hết 200.000 đồng, còn lại 100.000 đồng T đã giao nộp cho cơ quan Công an.

Sau khi phát hiện bị mất xe bà Vương Phương TH đã trình báo sự việc với Công an Xã LH đến lập biên bản sự việc. Sau đó chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện VN để giải quyết theo thẩm quyền, qua truy xét và xác minh Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện VN đã làm rõ người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Thiện là Bùi Thanh T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐDGTS ngày 05/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện VN kết luận: 01 xe mô tô BKS 20D1-012.55 nhãn hiệu HONDA WAVE; Số máy HC12E3027465; Số khung 1206BY227467; màu sơn đỏ, đen; xe đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu 20/12/2011, có giá trị còn lại thực tế là 8.600.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKVN ngày 12/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện VN đã truy tố bị cáo Bùi Thanh T về tội “ Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật. Về án phí Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an, cơ quan Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên huyện VN trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, người làm chứng, người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Với chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 03/5/2021 tại Xóm K, Xã LH, huyện VN, tỉnh TN.

Bùi Thanh T đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu sơn đỏ, đen, BKS 20D1-012.55 của gia đình bà Vương Phương TH có giá trị 8.600.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Bùi Thanh T đã phạm vào tội “ Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện VN truy tố bị cáo về tội danh và hình phạt viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Điều 173 BLHS quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”.

[3] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi này còn gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây dư luận xấu trong xã hội nên phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo thực hiện.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS. Xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng, cách ly xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt và có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt tù, lẽ ra bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 BLHS, nhưng xét thấy bị cáo không nghề nghiệp ổn định, không có tài sản. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Vương Phương TH có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu hội đồng xét xử xem xét giải quyết về phần trách nhiệm dân sự vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H có đơn xin xét xử vắng mặt không yêu cầu bị cáo phải trả lại hai vành bánh xe cũ và 550.000 đồng; Ông Phạm Trần Đ không có yêu cầu gì vì vậy hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về Vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy : 01 áo sơ mi dài tay màu xanh nhạt có nhiều đường kẻ sọc đã cũ; 01 quần bò màu xanh đã cũ; 01 kính cận gọng kính màu đen đã qua sử dụng; 01 đôi giày màu đen đã cũ cỡ số 40; 02 vành bánh xe cũ có vết thủng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 150.000 đồng là số tiền do phạm tội mà có. (Trong đó 100.000 đồng là số tiền thu giữ của bị cáo; 50.000 đồng là số tiền do ông Phạm Trần Đ giao nộp).

(Vật chứng đang lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng chi cục thi hành án huyện VN theo biên bản giao nhận vật ngày 19/7/2021 và ủy nhiệm chi số 130 ngày 12/7/2021).

- Truy thu số tiền 400.000 đồng của bị cáo là số tiền do phạm tội mà có.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với ông Phạm Trần Đ là người đã cho bị cáo gửi chiếc xe mô tô và được T cho 50.000 đồng; Ông Nguyễn Minh H là người đã mua 02 vỏ ốp hộp xích và đổi 02 vành bánh xe cũ lấy 02 vành bánh xe mới để bị cáo T lấy tiền chênh lệch. Quá trình điều tra xác định ông Đức và ông Hiến đều không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015; Điều 329 BLTTHS.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thanh T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thanh T 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày tạm giam 06/5/2021.

Quyết định tạm giam bị cáo Bùi Thanh T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì Bị hại, Người có quyền và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy : 01 áo sơ mi dài tay màu xanh nhạt có nhiều đường kẻ sọc đã cũ; 01 quần bò màu xanh đã cũ; 01 kính cận gọng kính màu đen đã qua sử dụng; 02 vành bánh xe cũ có vết thủng; 01 đôi giày màu đen đã cũ cỡ số 40.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 150.000 đồng là số tiền do phạm tội mà có.

(Vật chứng đang lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng chi cục thi hành án huyện VN theo biên bản giao nhận vật ngày 19/7/2021 và ủy nhiệm chi số 130 ngày 12/7/2021).

- Truy thu số tiền 400.000 đồng của bị cáo T là số tiền do phạm tội mà có.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Bùi Thanh T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện VN;
- CCTHADS huyện VN;
- Công an huyện VN;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có Q&NVLQ
- UBND xã ;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Huyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Huyền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện VN;
- CCTHADS huyện VN;
- Công an huyện VN;
- Bị cáo;
- UBND xã Tràng xá;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Huyền

